

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 17/02/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thành Trung
2. Bà Nguyễn Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TT (SK); địa chỉ: lầu 8, số 266-268 đường KN, phường VS, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm: 1988; địa chỉ: 220/29 đường HT, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2021), (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà Lưu Kim N, sinh năm: 1980; địa chỉ: 47/18 đường PT, Phường M, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận được ngày 13/4/2021, các bản tự khai của nguyên đơn ông Phạm Hoàng T là đại diện hợp pháp của nguyên đơn, trình bày:

Ngày 12/7/2019 Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lưu Kim N ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo hợp đồng, ngân hàng cấp cho bà Lưu Kim N thẻ tín dụng có hạn mức là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Lưu Kim N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 386.018.680 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 356.421.000 đồng.

Do bà Lưu Kim N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, qua nhiều lần nhắc nợ nhưng bà N vẫn không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, đến ngày 22/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 07/4/2021 bà N còn nợ Ngân hàng số tiền là 43.693.059 đồng (bốn mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, không trăm năm mươi chín đồng), bao gồm số tiền nợ gốc là 35.937.705 đồng và lãi quá hạn là 7.755.354 đồng.

Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà Lưu Kim N phải thanh toán ngay một lần số tiền nợ tính đến ngày 07/4/2021 là 43.693.059 đồng và yêu cầu bà Lưu Kim N phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 08/4/2021 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất vay quy định tại hợp đồng đã ký kết.

** Đối với bị đơn* bà Lưu Kim N: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lưu Kim N không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP TT.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản tự khai cùng bảng tính lãi yêu cầu bà Lưu Kim N phải trả số nợ trong việc thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày 17/02/2022 bà N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 58.502.982 đồng (năm mươi tám triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng), bao gồm số tiền nợ gốc là 35.937.705 đồng và lãi quá hạn là 22.565.277 đồng. Yêu cầu bà Lưu Kim N phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/02/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện thỏa thuận. Việc bà Lưu Kim N không thực hiện việc trả nợ đúng kỳ hạn là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lưu Kim N phải trả cho Ngân hàng TMCP TT với số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà Lưu Kim N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo sau khi xét xử cho đến khi thanh toán xong toàn bộ

khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT và bà Lưu Kim N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là bà Lưu Kim N có nơi cư trú cuối cùng là Quận 11, nên căn cứ theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

** Về người tham gia tố tụng:* Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lưu Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên cả hai lần hòa giải và đến phiên tòa xét xử lần thứ hai bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về yêu cầu nguyên đơn:*

Về khoản nợ gốc: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ và lời khai của nguyên đơn cung cấp: Ngày 12/7/2019 bà Lưu Kim N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức sử dụng được cấp là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà N đã sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng SK để thanh toán các khoản giao dịch với tổng tiền là 386.018.680 đồng, do đó xác định đây là hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng mà bà N đã ký kết với ngân hàng.

Hội đồng xét xử nhận thấy Qua các bảng sao kê và bản tự khai ngày 16/11/2021, 17/02/2022 đã thể hiện bà N đã sử dụng thẻ tín dụng và đã thanh toán cho ngân hàng với số tiền là 356.421.000 đồng. Từ ngày 22/07/2020 đến ngày 22/10/2020 bà N đã liên tục 03 tháng không thanh toán nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt hợp đồng, ngưng cung cấp dịch vụ thẻ tín dụng.

Bà Lưu Kim N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 21 và của Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Việc Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn căn cứ theo Điều 26.4 của Bản Điều Khoản và Điều kiện

phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng: “Sau 75 ngày kể từ ngày lập thông báo giao dịch hoặc sau 03 kỳ thông báo giao dịch liên tiếp, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán ít hơn số tiền giao dịch tối thiểu SK sẽ chấm dứt quyền sử dụng của Chủ thẻ và tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ”. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn” xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 58.502.982 chót đến ngày 22/10/2022 qua các bảng sao kê ngày 16/11/2021, 17/02/2022 là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét về lãi vay: Ngày 12/7/2019 bị đơn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng và đồng ý mức lãi suất theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ SK phát hành tại Việt Nam của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT quy định lãi suất thẻ tín dụng cá nhân là 2,6%; Ngày 22/7/2020 bị đơn đã vi phạm lịch trả trả nợ căn cứ vào Điều 26 của Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT ban hành đã quy định việc chuyển nợ quá hạn: “26.1. Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ ngày thứ mười của kỳ thông báo giao dịch lần thứ hai thì toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sẽ chuyển sang nợ quá hạn...”

a) Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ số nợ;

b) Áp dụng lãi suất nợ quá hạn phù hợp với Khoản 27 Điều 1 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của SK”. Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điểm c Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc bà N thanh toán số tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc tính đến ngày 17/02/2022 là 58.502.982 đồng (theo bảng tính lãi ngày 16/11/2021, 17/02/2022) và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/02/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lưu Kim N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT số tiền với tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày tính đến ngày 17/02/2022 số tiền là 58.502.982 đồng (năm mươi tám triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng, bao gồm số tiền nợ gốc là 35.937.705 đồng và lãi quá hạn là 22.565.277 đồng).

Ngoài ra còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

[3] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng Cổ phần TT được chấp nhận nên bị đơn bà Lưu Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.925.149 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.092.326 (một triệu không trăm, chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT theo biên lai số AA/2019/0052920 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 04/VBHN-NHNN ngày 24/4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT, buộc bà Lưu Kim N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT số tiền nợ tính đến ngày 17/02/2022 là số tiền là 58.502.982 đồng (năm mươi tám triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng), bao gồm số tiền nợ gốc là 35.937.705 đồng và lãi quá hạn là 22.565.277 đồng.

Bà Lưu Kim N phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 18/02/2022 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/7/2019 được ký kết giữa bà Lưu Kim N và Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Kim N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.925.149 đồng (hai triệu chín trăm, hai mươi lăm nghìn, một trăm bốn mươi chín) đồng, nộp tại Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.092.326 (một triệu không trăm, chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TT theo biên lai số AA/2019/0052920 ngày 10/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lại Thị Thu Thủy

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Thu Thủy

